

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 1. Phạm vi lãnh thổ vùng đất của nước ta bao gồm toàn bộ

- A. phần đất liền và các hải đảo.
- B. phần đất liền và thêm lục địa.
- C. khu vực đồng bằng và thêm lục địa.
- D. khu vực đồng bằng và đồi núi.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây **không đúng** với đặc điểm chung của địa hình nước ta?

- A. Hướng núi chính là đông bắc - tây nam.
- B. Thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.
- C. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích.
- D. Chịu tác động mạnh mẽ của con người.

Câu 3. Khu vực ven biển của vùng nào sau đây ở nước ta chịu ảnh hưởng nhiều nhất của bão?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 4. Dân cư nước ta hiện nay phân bố

- A. hợp lí giữa các vùng.
- B. chủ yếu ở thành thị.
- C. tập trung ở khu vực đồng bằng.
- D. đồng đều giữa các vùng.

Câu 5. Vùng nào sau đây có năng suất lúa cao nhất nước ta hiện nay?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 6. Huyện đảo Hoàng Sa và huyện đảo Trường Sa thuộc vùng kinh tế nào sau đây của nước ta?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 7. Cơ sở nhiên liệu chủ yếu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc nước ta hiện nay là

- A. than bùn.
- B. than đá.
- C. dầu mỏ.
- D. khí tự nhiên.

Câu 8. Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu là vấn đề tiêu biểu trong phát triển kinh tế của vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 9. Vùng kinh tế nào sau đây của nước ta **không** giáp biển?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Tây Nguyên.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 10. Giá trị nhập khẩu của nước ta tăng nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Sự phát triển của sản xuất và nhu cầu tiêu dùng.
- B. Nguồn lao động dồi dào, thiên nhiên ưu đãi.
- C. Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên thuận lợi.
- D. Thị trường buôn bán mở rộng và đa dạng hóa.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô rất lớn?

- A. Hà Nội, Hải Phòng.
- B. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.
- C. Đà Nẵng, Nha Trang.
- D. TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết Việt Nam có giá trị xuất khẩu hàng hóa trên 6 tỉ đô la Mỹ với quốc gia nào sau đây?

- A. Hoa Kỳ.
- B. Trung Quốc.
- C. Ôxtrâylia.
- D. Liên bang Nga.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây ở Đồng bằng sông Hồng có quy mô từ trên 15 đến 100 nghìn tỉ đồng?

- A. Nam Định.
- B. Hải Dương.
- C. Hà Nội.
- D. Hải Phòng.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu lượng nước trung bình của sông Hồng (trạm Hà Nội) lớn nhất vào tháng nào trong năm?

- A. Tháng VI.
- B. Tháng VII.
- C. Tháng VIII.
- D. Tháng IX.

Câu 15. Về mùa đông, từ Đà Nẵng trở vào Nam loại gió nào sau đây chiếm ưu thế?

- A. Gió mùa Đông Bắc.
- B. Gió phơn Tây Nam.
- C. Tín phong bán cầu Bắc.
- D. Tín phong bán cầu Nam.

Câu 16. Ý nào sau đây đúng về hiện trạng tài nguyên rừng ở nước ta hiện nay?

- A. Chất lượng rừng chưa thể phục hồi.
- B. Diện tích rừng chiếm trên 70% lãnh thổ.
- C. Diện tích rừng trồng lớn hơn rừng tự nhiên.
- D. Rừng nghèo và rừng mới phục hồi chiếm tỉ lệ nhỏ.

Câu 17. Ý nào sau đây đúng về cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn ở nước ta hiện nay?

- A. Tỉ lệ dân nông thôn tăng nhanh.
- B. Tỉ lệ dân nông thôn và thành thị ít chênh lệch.
- C. Tỉ lệ dân thành thị lớn hơn nông thôn.
- D. Tỉ lệ dân thành thị tăng nhưng còn thấp.

Câu 18. Sản lượng lúa của nước ta tăng trong những năm gần đây chủ yếu là do

- A. tăng diện tích lúa mùa.
- B. đa dạng hóa nông nghiệp.
- C. đẩy mạnh công nghiệp chế biến.
- D. đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất.

- Câu 19.** Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với hoạt động khai thác thủy sản của nước ta là
- A. hoạt động của gió mùa Tây Nam. B. hoạt động của Tín phong.
C. hoạt động của gió phơn Tây Nam. D. hoạt động của bão hàng năm.

- Câu 20.** Đông Nam Bộ trở thành vùng có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta là do
- A. khai thác hiệu quả các thế mạnh vốn có.
B. dân số và nguồn lao động lớn nhất cả nước.
C. tiềm năng thủy điện lớn nhất cả nước.
D. giàu tài nguyên khoáng sản nhất cả nước.

- Câu 21.** Nhận định nào sau đây **không đúng** với đặc điểm chăn nuôi gia súc ở Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay?

- A. Đàn trâu lớn nhất cả nước.
B. Bò được nuôi nhiều hơn trâu.
C. Trâu, bò thịt được nuôi rộng rãi.
D. Bò sữa được nuôi tập trung ở Mộc Châu.

- Câu 22.** Cho bảng số liệu:

**SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI
CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2014**

(Đơn vị: triệu lượt người)

Năm	Đường sắt	Đường bộ	Đường thủy	Đường hàng không
2005	12,8	1 173,4	156,9	6,5
2010	11,2	2 132,3	157,5	14,2
2014	12,0	2 863,5	156,9	24,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

- Nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi số lượt hành khách vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Đường sắt tăng liên tục. B. Đường bộ có xu hướng giảm.
C. Đường thủy giảm liên tục. D. Đường hàng không tăng liên tục.

- Câu 23.** Ý nào sau đây **không đúng** với điều kiện phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ?

- A. Hạn chế về điều kiện kỹ thuật, vốn.
B. Nguồn lao động dồi dào, tương đối rẻ.
C. Một số tài nguyên khoáng sản có trữ lượng lớn.
D. Hạn chế về nguồn nguyên liệu nông, lâm, thủy sản.

- Câu 24.** Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 26, các tỉnh thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ có mỏ đồng là

- A. Thái Nguyên, Bắc Kạn, Phú Thọ.
B. Cao Bằng, Hòa Bình, Tuyên Quang.
C. Lai Châu, Lạng Sơn, Hà Giang.
D. Lào Cai, Sơn La, Bắc Giang.

- Câu 25.** Sông ngòi ở khu vực nào sau đây thường có mùa lũ vào thời kỳ thu đông?

- A. Đông Bắc. B. Đông Trường Sơn.
C. Đồng bằng Bắc Bộ. D. Đồng bằng Nam Bộ.

- Câu 26.** Sự phân hóa thiên nhiên giữa vùng núi Đông Bắc với vùng núi Tây Bắc chủ yếu là do
- A. tác động của Tín Phong với độ cao địa hình.
 - B. tác động của vĩ độ địa lí và hướng các dãy núi.
 - C. tác động của gió mùa với hướng của các dãy núi.
 - D. hoạt động của gió mùa mùa hạ và dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 27. Ý nào sau đây **không đúng** về chất lượng nguồn lao động nước ta?

- A. Công nhân kĩ thuật lành nghề còn thiếu nhiều.
- B. Lực lượng lao động có trình độ cao còn ít.
- C. Lao động đã qua đào tạo chiếm tỉ lệ cao.
- D. Trình độ lao động đang được nâng cao.

Câu 28. Chăn nuôi lợn tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu là do vùng này có

- A. cơ sở vật chất hiện đại.
- B. nguồn vốn đầu tư lớn.
- C. cơ sở thức ăn dồi dào.
- D. lao động có trình độ cao.

Câu 29. Ý nào sau đây là thế mạnh tự nhiên để xây dựng các nhà máy thủy điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Các cao nguyên có mặt bằng rộng.
- B. Sông lớn chảy trên địa hình dốc.
- C. Lượng mưa phân bố đều trong năm.
- D. Chế độ nước sông theo mùa.

Câu 30. Giao thông đường biển nước ta ngày càng phát triển chủ yếu là do

- A. thu hút nhiều khách du lịch quốc tế.
- B. ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.
- C. nâng cao chất lượng lao động.
- D. mở rộng buôn bán với các nước.

Câu 31. Ngành nào sau đây đang góp phần làm thay đổi mạnh mẽ nhất cơ cấu kinh tế của Đông Nam Bộ?

- A. Du lịch biển.
- B. Công nghiệp dầu khí.
- C. Công nghiệp đóng tàu.
- D. Công nghiệp chế biến thủy sản.

Câu 32. Nguyên nhân tự nhiên nào sau đây làm tăng độ chua và chua mặn trong đất ở Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Mùa khô sâu sắc, kéo dài.
- B. Địa hình cao dần ra biển.
- C. Diện tích rừng ngập mặn tăng.
- D. Đồng bằng mở rộng về phía tây nam.

Câu 33. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2014

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2005	2009	2010	2014
Khai thác	1 987,9	2 280,5	2 414,4	2 920,4
Nuôi trồng	1 478,9	2 589,8	2 728,3	3 412,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Khai thác tăng, nuôi trồng giảm.
- B. Nuôi trồng tăng, khai thác giảm.
- C. Nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.
- D. Khai thác tăng nhanh hơn nuôi trồng.

Câu 34. Nhận định nào sau đây **không đúng** về ý nghĩa của việc phát triển đánh bắt hải sản xa bờ ở nước ta?

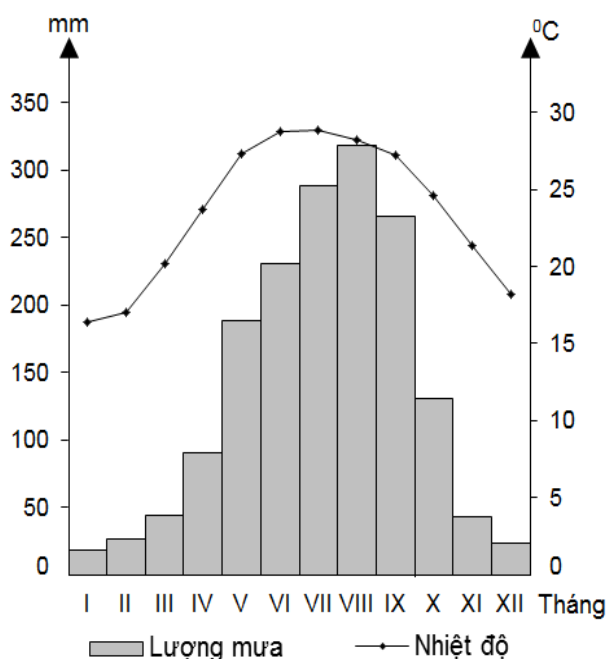
- A. Khẳng định chủ quyền biển đảo.
- B. Góp phần bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ.
- C. Phòng tránh được thiên tai.
- D. Bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ.

Câu 35. Tiềm năng nổi bật nhất để phát triển kinh tế của Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc là

- A. tài nguyên sinh vật tương đối đa dạng.
- B. khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh.
- C. diện tích lớn nhất so với các vùng khác.
- D. lao động có chất lượng cao hàng đầu cả nước.

Câu 36. Cho biểu đồ:

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG Ở HÀ NỘI



Hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội?

- A. Chế độ mưa có sự phân mùa.
- B. Tháng XII có nhiệt độ dưới 15°C.
- C. Lượng mưa lớn nhất vào tháng VIII.
- D. Nhiệt độ các tháng trong năm không đều.

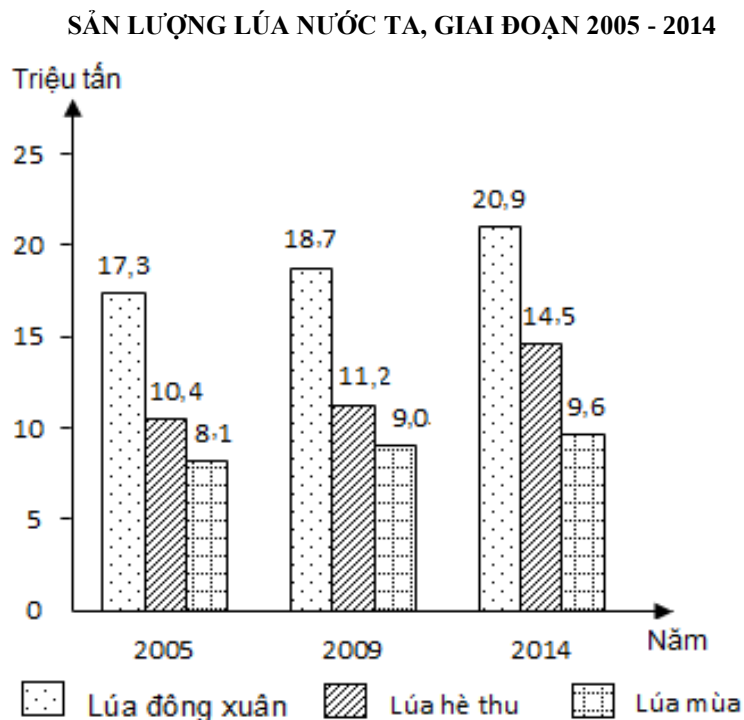
Câu 37. Với vị trí tiếp giáp vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng được

- A. cung cấp nguyên, nhiên liệu.
- B. bổ sung nguồn lao động kĩ thuật cao.
- C. bổ sung nguồn lợi thủy hải sản.
- D. cung cấp nguồn lương thực.

Câu 38. Mục đích nào sau đây là quan trọng nhất của nền nông nghiệp hàng hóa nước ta?

- A. Tạo ra nhiều lợi nhuận. B. Sản xuất ra nhiều loại sản phẩm.
C. Nâng cao chất lượng nguồn lao động. D. Đáp ứng nhu cầu tại chỗ.

Câu 39. Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây **không đúng** về sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Lúa hè thu tăng liên tục.
B. Sản lượng lúa các vụ không đồng đều.
C. Lúa đông xuân tăng liên tục.
D. Lúa mùa luôn có sản lượng cao nhất.

Câu 40. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2014

Năm	2005	2009	2011	2014
Diện tích (nghìn ha)	7 329,2	7 437,2	7 655,4	7 816,2
Sản lượng (nghìn tấn)	35 832,9	38 950,2	42 398,5	44 974,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2005 - 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ kết hợp. B. Biểu đồ miền.
C. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ cột.

----- HẾT -----

*Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam
do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến năm 2016.*